

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị H và
anh Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Kim Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Ông Nguyễn Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 155/2021/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1991; Đăng ký hộ khẩu thường trú: số H đường T, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn La, xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phùng Hữu Đ, sinh năm 1989; Nơi cư trú: số H đường T, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Chị H có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình đề ngày 29-3-2021, trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu khoảng một năm và có có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Xá (nay là phường Mỹ Xá), thành phố Nam Định ngày 17-01-2011. Sau khi kết hôn chị và anh Đ chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, anh Đ không có trách nhiệm đến chị và các con nên giữa chị và anh Đ thường xảy ra xô xát, cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ để ở và vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị H có nguyện vọng xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị Trần Thị H trình bày vợ chồng chị có hai con chung là Phùng Hữu T, sinh ngày 21-7-2011, giới tính Nam và Phùng Hữu C, sinh ngày 07-01-2014, giới tính Nam. Hiện tại các con đang ở với chị H. Về việc nuôi con: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con. Việc cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Phùng Hữu Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, không tham gia phiên tòa nên anh Đ không có quan điểm để giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 16-4-2021 tại tổ dân phố Vị Dương, phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định xác nhận: Chị H và anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống vợ chồng không hợp, vợ chồng chị H và anh Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh Đ có hai con chung là Phùng Hữu T, sinh ngày 21-7-2011, giới tính Nam và Phùng Hữu C, sinh ngày 07-01-2014, giới tính Nam.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự như sau: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, quá trình giải quyết vụ án

đã không cung cấp bản tự khai, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, 02 lần vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Như vậy bị đơn đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị H và anh Đ. Về con chung: Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung, mặt khác các cháu Phùng Hữu T và Phùng Hữu C hiện tại đang ở cùng với chị H và đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H giao các con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ chung: chị H không đề nghị giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phùng Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định nên hôn nhân giữa chị H và anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn chị H và anh Đ sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm sống của chị H và anh Đ không hợp, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị H và anh Đ đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị H và anh Đ không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có nguyện vọng được ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ không đến Tòa án để viết bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tại phiên tòa anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc anh Đ không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa chị H và anh Đ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tranh chấp nuôi con: Chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy các con Phùng Hữu T và Phùng Hữu C hiện tại đang ở cùng với chị H và đều có nguyện vọng được ở với mẹ, anh Đ không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa để trình bày về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Phùng Hữu T và Phùng Hữu C cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Phùng Hữu Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con Phùng Hữu T, sinh ngày 21-7-2011, giới tính: Nam và Phùng Hữu C, sinh ngày 07-01-2014, giới tính: Nam cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) chị Trần Thị H đã nộp tại biên lai số 0003616 ngày 01-04-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phùng Hữu Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định
(*Đăng ký kết hôn ngày 17-01-2011*);
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THA dân sự thành phố Nam Định;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Kim Huế

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Kim Huế

